

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 131
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún cua đồng nấu cà chua, đậu hũ, củ cải, rau muống, ngò gai, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá cờ chiên xốt me, tỏi
- Canh củ dền nấu thịt gà, nấm bào ngư, hành lá, ngò rí
- Bí xanh luộc
Xế: Nước chanh dây
Xế chiều: Xôi thập cẩm (thịt heo, cà rốt, đậu hà lan, tóp mỡ, hành phi, đậu xanh, cốt dừa)

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,700	3,140	53,380
2	0494	Đường cát	3,700	3,880	143,560
3	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	800	4,180	33,440
5	0523	Nước mắm loại I	1,000	5,940	59,400
6	0004	Gạo tẻ máy	7,300	2,560	186,880
7	0120	Hành lá (hành hoa)	350	5,360	18,760
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,820	30,870
9	0185	Tỏi ta	200	7,350	14,700
10	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	5,780	11,560
11	N0956	Bún gạo 3 Cây dừa	2,200	4,950	108,900
12	0407	Cua đồng	1,800	19,430	349,740
13	0087	Cà chua	1,300	5,670	73,710
14	N0821	Đậu hũ non (đậu phụ non)	700	4,840	33,880
15	0103	Củ cải trắng	600	2,730	16,380
16	0748	Rau muống	400	3,990	15,960
17	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,410	9,615
18	0654	Phi lê cá cờ	5,600	21,950	1,229,200
19	0147	Quả me chua	150	4,940	7,410
20	N0795	Củ dền	3,400	4,940	167,960
21	N0778	Nấm bào ngư	600	12,920	77,520
22	N0772	Thịt ức gà	1,300	12,920	167,960
23	0084	Bí đao (bí xanh)	1,100	4,310	47,410
24	0662	Chanh dây	2,500	4,520	113,000

25	0002	Gạo nếp (loại thường)	5,600	3,050	170,800
26	N0770	Thịt nạc dăm	2,000	18,800	376,000
27	0089	Cà rốt	600	5,780	34,680
28	0113	Đậu Hà Lan	250	63,420	158,550
29	0059	Đậu xanh	450	6,200	27,900
30	N0879	Nước cốt dừa	1,100	8,190	90,090
31	N0850	Mỡ heo sống	900	10,300	92,700
32	0457	Sữa bột toàn phần	4,480.1	20,500	918,421
Tổng cộng					4,846,996

Tổng tiền thực phẩm	4,846,996
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,846,995
Số dư đầu ngày	-5
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	76,553,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	76,553,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan